

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 004/SPVB/2019

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm:

Tên tổ chức, cá nhân: Công ty TNHH Nước giải khát Suntory PepsiCo Việt Nam

Địa chỉ: Cao ốc Sheraton, số 88, đường Đồng Khởi, P.Bến Nghé, Q. 1, TP.Hồ Chí Minh

Điện thoại: 02838219437. Chăm sóc khách hàng: 19001220

Fax: 02838219436

Email: hoangduy.hieu@suntorypepsico.vn

Mã số doanh nghiệp: 0300816663

Giấy chứng nhận FSSC 22000 (đính kèm) số: IND16.2104U, FSSC 623162, IND17.1612U/1, VN19/00129, CH14/0225.

II. Thông tin về sản phẩm:

1. Tên sản phẩm: THỰC PHẨM BỔ SUNG - NƯỚC TĂNG LỰC STING HƯƠNG DÂU TÂY ĐỎ.

2. Thành phần: Nước bão hòa CO₂, đường HFCS, đường, chất điều chỉnh độ axit (330, 331iii), hương dâu giống tự nhiên, hỗn hợp premix [Taurine (200 mg/L), Caffeine (190 mg/L), Inositol (30 mg/L), các Vitamin: B3 (10 mg/L), B6 (2 mg/L), B12 (0,9 µg/L)], chất chống oxy hóa (452i, 385), chất bảo quản (202, 211), màu tổng hợp (Allura red AC 129), bột chiết xuất hồng sâm (40 mg/L)*.

*: Hàm lượng hồng sâm cho vào khi sản xuất và hàm lượng này có thể giảm đi trong quá trình lưu thông

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm:

3.1 Đối với thành phẩm đựng trong lon nhôm: 12 tháng kể từ ngày sản xuất.

3.2 Đối với thành phẩm đựng trong bao bì chai nhựa PET: 6 tháng kể từ ngày sản xuất.

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

4.1 Đối với chai nhựa PET:

Thành phẩm được đóng trong chai nhựa PET, bảo đảm phù hợp vệ sinh an toàn thực phẩm.

Thể tích thực: 330 ml/chai.

Khi vận chuyển được đóng vào thùng giấy carton hoặc trong khay giấy carton phủ nhựa kín, mỗi thùng/ khay chứa 24 chai để rời hoặc cuốn trong 4 lốc, mỗi lốc 6 chai được cuốn nylon trong không in nhãn, hoặc theo quy cách khác tùy thuộc vào nhu cầu sử dụng và kinh doanh, chỉ dùng để thuận tiện cho việc vận chuyển.

4.2 Đối với lon nhôm: Thành phẩm được đóng trong lon nhôm, bên trong có phủ lớp epoxy resin, bảo đảm phù hợp vệ sinh ATTP. Thể tích thực: 330 ml/lon.

Khi vận chuyển sẽ đóng vào trong 1 thùng carton hoặc trong khay carton phủ nhựa kín, mỗi thùng/ khay chứa 24 lon để rời hoặc cuốn trong 4 lốc, mỗi lốc 6 lon được cuốn nylon trong không in nhãn, hoặc theo quy cách 28 lon/thùng hoặc theo quy cách khác tùy thuộc vào nhu cầu sử dụng và kinh doanh, chỉ dùng để thuận tiện cho việc vận chuyển.

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm:

5.1. Nhà máy sản xuất nước giải khát đặt tại phường Thới An, Quận 12, TP.Hồ Chí Minh – Mã số H. Địa chỉ: đường Lê Văn Khương, phường Thới An, Quận 12, TP.Hồ Chí Minh;

5.2. Chi nhánh Công ty TNHH Nước giải khát Suntory PepsiCo Việt Nam tại Đồng Nai – Mã số N. Địa chỉ: Lô số 206 đường Amata, KCN Amata, TP. Biên Hòa, Đồng Nai;

5.3. Chi nhánh Công ty TNHH Nước giải khát Suntory PepsiCo Việt Nam tại miền Trung – Mã số Q



Địa chỉ: Lô số 10, KCN Điện Nam, Điện Ngọc, phường Điện Nam Bắc, thị xã Điện Bàn, Tỉnh Quảng Nam;

5.4 Chi nhánh Công ty TNHH Nước giải khát Suntory PepsiCo Việt Nam tại tỉnh Bắc Ninh – Mã số A

Địa chỉ: số 88, đường Hữu Nghị, KCN VSIP Bắc Ninh, xã Phù Chẩn, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh

5.5 Chi nhánh Công ty PepsiCo Việt Nam tại TP. Cần Thơ – Mã số C

Địa chỉ: Lô 2.19B, 2.19D, 2.19D1, KCN Trà Nóc 2, phường Phước Thới, Quận Ô Môn, TP. Cần Thơ.

III. Mẫu nhãn sản phẩm (Đính kèm)

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm:

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 6-2:2010/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với các sản phẩm đồ uống không cồn về kim loại nặng:

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Chì (Pb)	mg/l	0,05

- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 8-2:2011/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm, áp dụng cho Thực phẩm bổ sung không có nguồn gốc từ rong biển khô hoặc sản phẩm từ rong biển:

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Thủy ngân (Hg)	mg/kg	0,1
2	Cadmium (Cd)	mg/kg	1

- Quyết định 46/2007/QĐ-BYT – Quyết định về việc ban hành “Quy định giới hạn tối đa ô nhiễm sinh học và hóa học trong thực phẩm”, chỉ tiêu vi sinh:

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Tổng số vi sinh vật hiếu khí	cfu/ml	100
2	<i>E. coli</i>	cfu/ml	0
3	<i>Coliform</i>	cfu/ml	10
4	<i>Clostridium perfringens</i>	cfu/ml	0
5	<i>Streptococci faecal</i>	cfu/ml	0
6	Tổng số nấm men và nấm mốc	cfu/ml	10
7	<i>Pseudomonas Aeruginosa</i>	cfu/ml	0
8	<i>Staphylococcus aureus</i>	cfu/ml	0



Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 6 năm 2019

GIÁM ĐỐC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG,
MÔI TRƯỜNG, SỨC KHỎE, AN TOÀN.

Hoàng Duy Hiếu

KT3-04412ATP9

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

17/05/2019
Page 01/02

1. Tên mẫu
Name of sample : **THỰC PHẨM BỔ SUNG - NƯỚC TĂNG LỰC STING HƯƠNG DẦU TÂY ĐỎ**
2. Mô tả mẫu
Sample description : Mẫu thử nghiệm do khách hàng lấy mẫu, tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp. / *Testing sample was sampled by customer, sample name and sample information were supplied by customer.*
Mẫu đựng trong chai nhựa, không nhãn hiệu.
As received sample is contained in plastic bottle, without label.
3. Số lượng mẫu
Quantity : 01
4. Ngày nhận mẫu
Date of receiving : 08/05/2019
5. Thời gian thử nghiệm
Testing duration : 09/05/2019 – 17/05/2019
6. Nơi gửi mẫu
Customer : **CÔNG TY TNHH NƯỚC GIẢI KHÁT SUNTORY PEPSICO VIỆT NAM**
Cao Ốc Sheraton, 88 Đồng Khởi, Quận 01, TP. HCM
7. Kết quả thử nghiệm
Test results : Xem trang / *See page 02/02*

TRƯỞNG PTN THỰC PHẨM
HEAD OF FOOD TESTING LAB

**Nguyễn Thành Công**

TL. GIÁM ĐỐC/ PP. DIRECTOR
TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM/
HEAD OF TESTING LAB

**Ngô Quốc Việt**

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến. / *Test results are valid for the namely submitted sample(s) only.*
2. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
3. N/A: không áp dụng. / *Not applicable.*
4. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*
5. Độ không đảm bảo đo mở rộng ước lượng được tính với $k = 2$, mức tin cậy 95 %. Khách hàng có thể liên hệ theo địa chỉ dưới để biết thêm thông tin.
Estimated expanded uncertainty of measurement with $k = 2$, at 95 % confidence level. Please contact Quatest 3 at the below address for further information

Head Office: 49 Pasteur, Dist. 1, HCMC, Vietnam
Testing: No. 7, road No. 1, Bien Hoa 1 IZ, Dong Nai, Vietnam
C5 lot, K1 road, Cat Lai IZ, Dist. 2, HCMC, Vietnam

Tel: (84-28) 3829 4274
Tel: (84-251) 383 6212
Tel: (84-28) 3742 3160

Fax: (84-28) 3829 3012
Fax: (84-251) 383 6298
Fax: (84-28) 3742 3174

Website: www.quatest3.com.vn
E-mail: tn-cskh@quatest3.com.vn
E-mail: tn-cskh@quatest3.com.vn



7. Kết quả thử nghiệm / Test results :

Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị	Phương pháp thử Test method	Giới hạn phát hiện Detection limit	Kết quả thử nghiệm Test result
7.1. Hàm lượng chì, Lead content	mg/L	QTTN/KT3 098:2016 (Ref: AOAC (999.11))	0,018	Không phát hiện Not detected
7.2. Hàm lượng cadimi, Cadmium content	mg/L	QTTN/KT3 098:2016 (Ref: AOAC (999.11))	0,018	Không phát hiện Not detected
7.3. Hàm lượng thủy ngân, Mercury content	mg/L	QTTN/KT3 064:2016 (Ref: AOAC (971.21))	0,015	Không phát hiện Not detected
7.4. Tổng số vi sinh vật hiếu khí, Total aerobic plate count	CFU/mL	ISO 4833-1:2013	-	Nhỏ hơn 1 ^(*) Less than
7.5. Coliform,	CFU/mL	ISO 4832 : 2006	-	Nhỏ hơn 1 ^(*) Less than
7.6. E. Coli,	CFU/mL	ISO 16649 – 2 : 2001	-	Nhỏ hơn 1 ^(*) Less than
7.7. Enterococci, Streptococci faecal	CFU/mL	ISO 7899-2:2000	-	Nhỏ hơn 1 ^(*) Less than
7.8. Pseudomonas aeruginosa,	CFU/mL	ISO 16266 : 2006	-	Nhỏ hơn 1 ^(*) Less than
7.9. Staphylococcus aureus,	CFU/mL	AOAC 2013 (975.55)	-	Nhỏ hơn 1 ^(*) Less than
7.10. Clostridium perfringens,	CFU/mL	ISO 7937 : 2004	-	Nhỏ hơn 1 ^(*) Less than
7.11. Tổng số nấm men & nấm mốc, Total yeasts & moulds	CFU/mL	ISO 21527-1:2008	-	Nhỏ hơn 1 ^(*) Less than

Ghi chú/ Note: (*): Theo phương pháp thử, kết quả được biểu thị nhỏ hơn 1 CFU/mL khi không có khuẩn lạc mọc trên đĩa/ According to the test method, the result is expressed as less than 1 CFU/mL when the dish contains no colony.

KT3-04411ATP9

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

14/05/2019
Page 01/02

1. Tên mẫu
Name of sample : **THỰC PHẨM BỔ SUNG - NƯỚC TĂNG LỰC STING HƯƠNG DẦU TÂY ĐỎ**
2. Mô tả mẫu
Sample description : Mẫu thử nghiệm do khách hàng lấy mẫu, tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp./ *Testing sample was sampled by customer, sample name and sample information were supplied by customer.*
Mẫu đựng trong chai nhựa, không nhãn hiệu.
As received sample is contained in plastic bottle, without label.
3. Số lượng mẫu
Quantity : 01
4. Ngày nhận mẫu
Date of receiving : 08/05/2019
5. Thời gian thử nghiệm
Testing duration : 09/05/2019 – 14/05/2019
6. Nơi gửi mẫu
Customer : **CÔNG TY TNHH NƯỚC GIẢI KHÁT SUNTORY PEPSICO VIỆT NAM**
Cao Ốc Sheraton, 88 Đồng Khởi, Quận 01, TP. HCM
7. Kết quả thử nghiệm
Test results : Xem trang / *See page 02/02*

TRƯỞNG PTN THỰC PHẨM
HEAD OF FOOD TESTING LAB



Nguyễn Thành Công

TL. GIÁM ĐỐC/ PP. DIRECTOR
TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM/
HEAD OF TESTING LAB



Ngô Quốc Việt

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến. / *Test results are valid for the namely submitted sample(s) only.*
2. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
3. N/A: không áp dụng. / *Not applicable.*
4. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*
5. Độ không đảm bảo đo mở rộng ước lượng được tính với $k = 2$, mức tin cậy 95 %. Khách hàng có thể liên hệ theo địa chỉ dưới để biết thêm thông tin.
Estimated expanded uncertainty of measurement with $k = 2$, at 95 % confidence level. Please contact Quatest 3 at the below address for further information

Head Office: 49 Pasteur, Dist. 1, HCMC, Vietnam
Testing: No. 7, road No. 1, Bien Hoa 1 IZ, Dong Nai, Vietnam
C5 lot, K1 road, Cat Lai IZ, Dist. 2, HCMC, Vietnam

Tel: (84-28) 3829 4274
Tel: (84-251) 383 6212
Tel: (84-28) 3742 3160

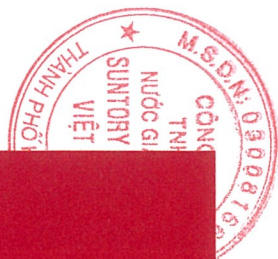
Fax: (84-28) 3829 3012
Fax: (84-251) 383 6298
Fax: (84-28) 3742 3174

Website: www.quatest3.com.vn
E-mail: tn-cskh@quatest3.com.vn
E-mail: tn-cskh@quatest3.com.vn

7. Kết quả thử nghiệm / Test results:

Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Giới hạn phát hiện Detection limit	Kết quả thử nghiệm Test result
7.1. Hàm lượng đường tổng qui ra sacaroza, g/100 mL Total sugar content as sucrose	TCVN 4594 : 1988	-	17,9
7.2. Hàm lượng axit qui ra axit citric, g/L Acid content as citric acid	TCVN 5564 : 2009	-	4,13
7.3. Hàm lượng carbohydrate, g/100 mL Carbohydrate content	U.S. FDA 21 CFR 101.9	-	20,8
7.4. Hàm lượng protein, g/100 mL Protein content	QTTN/KT3 140:2016 Kjeldahl method (Ref: FAO FNP 14/7 (P.221)-1986)	0,1	Không phát hiện Not detected
7.5. Hàm lượng béo, g/100 mL Fat content	QTTN/KT3 139:2016 (Ref: FAO FNP 14/8 (P.10)-1986)	0,1	Không phát hiện Not detected
7.6. Năng lượng/ Calories • kcal/100 mL • kJ/100 mL	QTTN/KT3 024:2018	-	83 347
7.7. Hàm lượng natri, mg/100 mL Sodium content	AOAC 2016 (969.23)	-	29,3
7.8. Hàm lượng vitamin B3 (niacin), mg/L Vitamin B3 content	QTTN/KT3 036:2016	-	31,6
7.9. Hàm lượng vitamin B6 (pyridoxine hydrochloride), mg/L Vitamin B6 (pyridoxine hydrochloride) content	QTTN/KT3 037:2016	-	4,72
7.10. Hàm lượng vitamin B12 (cyanocobalamin), µg/L Vitamine B12 content	QTTN/KT3 160:2017 (LC-MS/MS)	-	3,98
7.11. Hàm lượng taurine, mg/L Taurine content	QTTN/KT3 220:2018 (Ref: TCVN 8476:2010)	-	385
7.12. Hàm lượng inositol, mg/L Inositol content	QTTN/KT3 096:2017	-	73,2
7.13. Hàm lượng cafein, mg/L Caffeine content	AOAC 2016 (979.08)	-	208

Ghi chú/ Note: Hàm lượng protein/ Protein = 6,25 x Hàm lượng nitơ tổng/ Nitrogen



FORMULA CONTAINS
RED GINSENG

4 years
old

BERRY BLAST FLAVOR



From the makers of



Trong
330 ml
Hàm lượng
245 kcal
12,3 %



CÔNG THỨC CHỨA
HỒNG SÂM

4 năm
cũ

HƯƠNG DẦU TÂY ĐỎ

THỰC PHẨM BỔ SỨC



Từ nhà sản xuất của



NƯỚC TĂNG LỰC STING HƯƠNG DẦU TÂY ĐỎ



Chịu trách nhiệm bán: Công ty TNHH Nước giải khát Suntory PepsiCo Việt Nam, Cao ốc Sheraton, số 88, đường Đồng Khởi, P. Bến Nghé, Q. 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam. Chăm sóc khách hàng: 18001220. Theo bản quyền của PepsiCo, Inc., 700 Anderson Hill Road, Purchase, New York 10577, United States of America. Xuất xứ: Việt Nam.
Thành phần: Nước bão hòa CO₂, đường HFCS, đường, chất điều chỉnh độ axit (330, 331 ii), hương dầu giống tự nhiên, hỗn hợp premix [Taurine (200 mg/L), Caffeine (190 mg/L), Inositol (30 mg/L), các Vitamin: B3 (10 mg/L), B6 (2 mg/L), B12 (0,9 µg/L)], chất chống oxy hóa (452i, 385), chất bảo quản (202, 211), màu tổng hợp [Allura red AC 129], bột chiết xuất hồng sâm (40 mg/L)*. NSX, HSD: xem ở đáy lon. Sản phẩm có thể không phù hợp với người nhạy cảm với caffeine, trẻ em và phụ nữ đang mang thai. Ngon hơn khi uống lạnh. Bảo quản nơi khô mát, tránh nắng.
(*) Hàm lượng hồng sâm cho vào khi sản xuất và hàm lượng này có thể giảm đi trong quá trình lưu trữ.
Số hồ sơ tự công bố: 004-SPV-B/2019

Giá trị dinh dưỡng trung bình

cho 1 lon 330 ml		% RNI**
Năng lượng	245 Kcal	12,3 %
Chất đạm	0 g	
Chất béo	0 g	
Chất béo bão hòa	0 g	
Carbohydrate	64,4 g	
Đường tổng	64,4 g	
Natri	105 mg	
Vitamin B3	3,3 mg	21 %
Vitamin B6	0,66 mg	51 %
Vitamin B12	0,3 µg	12 %

**RNI: nhu cầu dinh dưỡng hàng ngày áp dụng cho người trưởng thành, theo bảng khuyến nghị cho người Việt Nam



Thể tích thực: 330 ml





Từ nhà sản xuất của



Trong
330 ml
Năng lượng
245 kcal
12,3 %
Tinh bột
năng lượng cần thiết
mỗi ngày 2000 kcal



THE TÍCH THỰC 330 ml Chăm sóc khách hàng 1900 1220

8 934588 233074

CỤC QUẢN LÝ THỰC PHẨM VÀ DƯỢC PHẨM HÒA KỲ (US - FDA)

NƯỚC TĂNG LỰC STING HƯƠNG DẦU TÂY ĐÓ

Chịu trách nhiệm bởi: Công ty TNHH Nước giải khát Suntory PepsiCo Việt Nam, Cao ốc Sheraton, số 88, đường Đồng Khởi, P. Bến Nghé, Q. 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam. Theo bản quyền của PepsiCo, Inc., 700 Anderson Hill Road, Purchase, New York 10577, United States of America. Xuất xứ: Việt Nam.

Thành phần: Nước bão hòa CO₂, đường HFCS, đường, chất điều chỉnh độ axit (330, 331iii), hương dầu giống tự nhiên, hỗn hợp premix (Taurine (200 mg/L), Caffeine (190 mg/L), Inositol (30 mg/L), các Vitamin: B3 (10 mg/L), B6 (2 mg/L), B12 (0.9 µg/L)), chất chống oxy hóa (482i, 385), chất bảo quản (202, 211), màu tổng hợp (Allura red AC 129), bột chiết xuất hồng sâm (40 mg/L)*.

NSX, HSD: xem ở nắp hoặc thân chai. Sản phẩm có thể không phù hợp với người nhạy cảm với caffeine, trẻ em và phụ nữ đang mang thai. Ngón hơn khi uống lạnh. Bảo quản nơi khô mát, tránh nắng, tránh mùi mạnh và tránh hóa chất.

(*) : Hàm lượng hồng sâm cho vào khi sản xuất và hàm lượng này có thể giảm đi trong quá trình lưu thông.

Số hồ sơ tự công bố: 004/SPVB/2019.

Giá trị dinh dưỡng trung bình cho 1 chai 330 ml		% RNI**
Năng lượng	245 Kcal	12,3%
Chất đạm	0 g	
Chất béo	0 g	
Chất béo bão hòa	0 g	
Carbohydrate	64,4 g	
Đường tổng	64,4 g	
Natri	105 mg	
Vitamin B3	3,3 mg	21%
Vitamin B6	0,66 mg	51%
Vitamin B12	0,3 µg	12%

** RNI: nhu cầu dinh dưỡng hàng ngày áp dụng cho người trưởng thành, theo bảng khuyến nghị cho người Việt Nam

From the makers of

